

Low-voltage Products

Bảng Giá Tháng 8 - 2021



Founded in Spain in 1958

• Chứng nhận chất lượng quốc tế, Quatest 1&3 TT thí nghiệm điện	Trang 1
• Công tắc ổ cắm dân dụng dòng Prime Chất lượng	Trang 2
• Cầu dao tự động MCB dòng cắt 6000A	Trang 6
• Cầu dao tự động MCB dòng cắt 10000A	Trang 7
• Cầu dao chống rò RCCB, chống rò và quá tải RCCB	Trang 8
• Cầu chì và tủ phân phối MCB	Trang 9
• Thiết bị chống sét lan truyền và Contactor dạng tép	Trang 10
• Cầu dao tự động dạng khối MCCB loại 1P và 2P	Trang 11
• Cầu dao tự động dạng khối MCCB 3P dòng cắt tiêu chuẩn	Trang 12
• Cầu dao tự động dạng khối MCCB 3P dòng cắt cao	Trang 13
• Cầu dao tự động dạng khối MCCB 3P chỉnh dòng điện tử, phụ kiện MCCB	Trang 14
• Máy cắt không khí ACB loại HDW3	Trang 15
• Contactor HDC3 và tiếp điểm phụ	Trang 16
• Relay nhiệt dùng cho CONTACTOR HDC3	Trang 17
• Contactor dùng cho điều khiển tự bù, bộ điều khiển tự bù	Trang 18
• Tủ bù hạ thế Himel	Trang 19
• Motor protector, khởi động từ dạng hộp	Trang 20
• Công tắc xoay, nút nhấn, đèn báo pha	Trang 21
• Phích & Ổ cắm công nghiệp	Trang 23
• Relay bảo vệ pha, Relay trung gian, Timer relay cho Contactor	Trang 25

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947



ĐẠT CHỨNG NHẬN DO TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1 & 3 VÀ GIẤY PHÉP LÊN LƯỚI ĐIỆN LỰC

Prime Series (Dòng Chất Lượng)

	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá
	Công tắc đơn 1 chiều	HWDPB1G1W	38.000
	Công tắc đơn 2 chiều	HWDPB1G2W	44.000
	Công tắc đôi 1 chiều	HWDPB2G1W	57.000
	Công tắc đôi 2 chiều	HWDPB2G2W	63.000
	Công tắc 3 1 chiều	HWDPB3G1W	69.000
	Công tắc 3 2 chiều	HWDPB3G2W	82.000
	Công tắc 4 1 chiều	HWDPB4G1W	88.000

Prime Series (Dòng Chất Lượng)

	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá
	Công tắc 4 2 chiều	HWDPB4G2W	101.000
	Chuông cửa	HWDPBDB	54.000
	Ổ cắm đơn ba chấu đa năng	HWDPMF	82.000
	Ổ cắm đơn ba chấu đa năng + 2 USB	HWDPMFSN2USB	200.000
	Ổ cắm đơn ba chấu đa năng + đơn 2 chấu	HWDP5PS	91.000
	Ổ cắm đơn ba chấu đa năng + đơn 2 chấu + 2 USB	HWDP5PSSN2USB	266.000
	Công tắc bình nước nóng 20A	HWDP20A	95.000

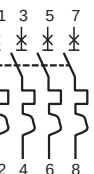
Prime Series (Dòng Chất Lượng)

	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá
	Ổ cắm đơn hai chấu	HWDP2PS	57.000
	Ổ cắm đôi 2 chấu	HWDP2G2PS	78.000
	"Ổ cắm đơn 2 chấu + 2USB	HWDP2P2USB	275.000
	"Mặt che trơn	HWDPBP3	22.000
	Ổ cắm TV	HWDP TV	105.000
	Ổ cắm điện thoại	HWDPTEL	44.000
	Ổ cắm mạng	HWDP COM	47.000

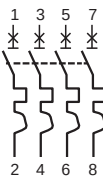
Prime Series (Dòng Chất Lượng)

	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá
	Ổ cắm dao cạo râu	HWDPHS3	840.000
	Chiết áp quạt 500W	HWDPFS5	166.000
	Chiết áp đèn 500W	HWDPD5	166.000
	Nút nhấn báo dọn phòng, không làm phiền	HWDPHDND	221.000
	Công tắc thẻ	HWDPHKC	400.000
	Giá đỡ điện thoại gắn tường	HWDPPH	49.000

- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60899-1
- Khả năng ngắt mạch: 6000A
- Điện áp: 230/400 VAC
- Số cực: 1P, 2P, 3P, 4P
- Loại đường cong C

Hình ảnh	Số cực	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P 	6	HDB3WN1C6	62.000
		10	HDB3WN1C10	62.000
		16	HDB3WN1C16	62.000
		20	HDB3WN1C20	62.000
		25	HDB3WN1C25	62.000
		32	HDB3WN1C32	62.000
		40	HDB3WN1C40	62.000
		50	HDB3WN1C50	67.000
		63	HDB3WN1C63	67.000
	2P 	6	HDB3WN2C6	132.000
		10	HDB3WN2C10	132.000
		16	HDB3WN2C16	132.000
		20	HDB3WN2C20	132.000
		25	HDB3WN2C25	132.000
		32	HDB3WN2C32	132.000
		40	HDB3WN2C40	132.000
		50	HDB3WN2C50	145.000
		63	HDB3WN2C63	145.000
	3P 	6	HDB3WN3C6	214.000
		10	HDB3WN3C10	214.000
		16	HDB3WN3C16	214.000
		20	HDB3WN3C20	214.000
		25	HDB3WN3C25	214.000
		32	HDB3WN3C32	214.000
		40	HDB3WN3C40	214.000
		50	HDB3WN3C50	235.000
		63	HDB3WN3C63	235.000
	4P 	6	HDB3WN4C6	377.000
		10	HDB3WN4C10	377.000
		16	HDB3WN4C16	377.000
		20	HDB3WN4C20	377.000
		25	HDB3WN4C25	377.000
		32	HDB3WN4C32	377.000
		40	HDB3WN4C40	377.000
		50	HDB3WN4C50	410.000
		63	HDB3WN4C63	410.000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60898, 60947-2
 - Khả năng ngắt mạch Icu: 10,000A
 - Điện áp: 230/400 VAC
 - Số cực: 1P, 2P, 3P, 4P
- Loại đường cong C, đóng cắt nhanh
 - Cửa sổ hiển thị On/Off
 - Kích thước: 18mm & 27mm

Hình ảnh	Số cực	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P 10kA 	6	HDB9H63A1C6	92.000
		10	HDB9H63A1C10	92.000
		16	HDB9H63A1C16	92.000
		20	HDB9H63A1C20	92.000
		25	HDB9H63A1C25	92.000
		32	HDB9H63A1C32	92.000
		40	HDB9H63A1C40	92.000
		50	HDB9H63A1C50	110.000
		63	HDB9H63A1C63	110.000
		80	HDB3W125H1C80	210.000
		100	HDB3W125H1C100	210.000
		125	HDB3W125H1C125	210.000
	2P 10kA 	6	HDB9H63A2C6	197.000
		10	HDB9H63A2C10	197.000
		16	HDB9H63A2C16	197.000
		20	HDB9H63A2C20	197.000
		25	HDB9H63A2C25	197.000
		32	HDB9H63A2C32	197.000
		40	HDB9H63A2C40	197.000
		50	HDB9H63A2C50	231.000
		63	HDB9H63A2C63	243.000
		80	HDB3W125H2C80	378.000
		100	HDB3W125H2C100	378.000
		125	HDB3W125H2C125	378.000
	3P 10kA 	6	HDB9H63A3C6	320.000
		10	HDB9H63A3C10	320.000
		16	HDB9H63A3C16	320.000
		20	HDB9H63A3C20	320.000
		25	HDB9H63A3C25	320.000
		32	HDB9H63A3C32	320.000
		40	HDB9H63A3C40	320.000
		50	HDB9H63A3C50	412.000
		63	HDB9H63A3C63	412.000
		80	HDB3W125H3C80	615.000
		100	HDB3W125H3C100	615.000
		125	HDB3W125H3C125	615.000
	4P 10kA 	6	HDB9H63A4C6	492.000
		10	HDB9H63A4C10	492.000
		16	HDB9H63A4C16	492.000
		20	HDB9H63A4C20	492.000
		25	HDB9H63A4C25	492.000
		32	HDB9H63A4C32	492.000
		40	HDB9H63A4C40	492.000
		50	HDB9H63A4C50	572.000
		63	HDB9H63A4C63	572.000
		80	HDB3W125H4C80	781.000
		100	HDB3W125H4C100	781.000
		125	HDB3W125H4C125	781.000

- Cách ly, đóng ngắt, chống dòng rò điện
- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 61008-1
- Điện áp: 230/400 VAC
- Số cực: 2P, 4P
- Dòng rò $I_{\Delta n}$ = 30mA, 100mA

Hình ảnh	Số cực	Dòng rò (mA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	2P	30mA	10	HDB3VR210SC	512.000
			16	HDB3VR216SC	512.000
			25	HDB3VR225SC	512.000
			40	HDB3VR240SC	512.000
			63	HDB3VR263SC	512.000
			80	HDB3VR280SC	706.000
			100	HDB3VR2100SC	706.000
		SC: 30mA YC: 100mA	10	HDB3VR210YC	595.000
			16	HDB3VR216YC	595.000
			25	HDB3VR225YC	595.000
			40	HDB3VR240YC	595.000
			63	HDB3VR263YC	595.000
			80	HDB3VR280YC	817.000
			100	HDB3VR2100YC	817.000
	4P	100mA	10	HDB3VR410YC	817.000
			16	HDB3VR416YC	817.000
			25	HDB3VR425YC	817.000
			40	HDB3VR440YC	817.000
			63	HDB3VR463YC	817.000
			80	HDB3VR480YC	1.049.000
			100	HDB3VR4100YC	1.049.000

- Bảo vệ chống rò, quá tải, ngắn mạch
- Điện áp: 230/400 VAC
- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 61009-1
- Dòng cắt I_{cu} = 4500A / 6000A

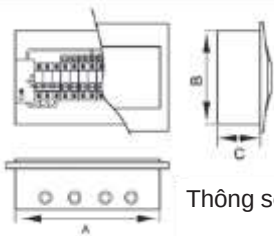
Hình ảnh	Số cực	Dòng rò (mA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P + N	30mA	6	HDB3WPLEC6	393.000
			10	HDB3WPLEC10	393.000
			16	HDB3WPLEC16	393.000
			20	HDB3WPLEC20	393.000
			25	HDB3WPLEC25	393.000
			32	HDB3WPLEC32	393.000
			40	HDB3WPLEC40	393.000
			50	HDB3WLEN1C50	520.000
			63	HDB3WLEN1C63	520.000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60269
- Sử dụng với cầu chì ống chuẩn 10x38 mm
- Dòng điện định mức: 2 ~ 32A
- Điện áp: 500 VAC
- Có đèn cảnh báo
- Số cực: 1P

Hình ảnh	Loại sản phẩm	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Ruột cầu chì	2	HRT1810382	6.000
		4	HRT1810384	6.000
		6	HRT1810386	6.000
		100	HRT1600100	79.000
	Đế cầu chì	32	HRT1832ZXB	37.000
		160	HRT1600ZS	95.000

TỦ PHÂN PHỐI MCB

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60439-1, IEC 60670
- Bảo vệ theo cấp IP30
- Khả năng chứa từ 4 đến 36 module
- Sử dụng chất liệu nhựa chống cháy



Thông số kích thước thân tủ

Hình ảnh	Mô tả (A x B xC)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Tủ nhựa âm tường 4 module (126x200x90)	HDPZ50PR4IP30F	113.000
	Tủ nhựa âm tường 6 module (162x200x90)	HDPZ50PR6IP30F	174.000
	Tủ nhựa âm tường 8 module (198x200x90)	HDPZ50PR8IP30F	268.000
	Tủ nhựa âm tường 12 module (270x200x90)	HDPZ50PR12IP30F	334.000
	Tủ nhựa âm tường 15 module (324x200x90)	HDPZ50PR15IP30F	365.000
	Tủ nhựa âm tường 18 module (378x216x90)	HDPZ50PR18IP30F	533.000
	Tủ nhựa âm tường 24 module (261x310x90)	HDPZ50PR24IP30F	848.000
	Tủ nhựa âm tường 36 module (261x441x90)	HDPZ50PR36IP30F	1.134.000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 61643

Hình ảnh	Số cực	Dòng cắt (kA)	Điện áp (V)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P	40kA	385V	HDY3401	315.000
	1P+N	20kA		HDY3205	525.000
	3P+N	40kA		HDY3406	1.155.000
	3P+N	80kA	385V	HDY3806	2.153.000
		120kA		HDY31206	3.413.000
		160kA		HDY31606	5.250.000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 61095
- Điện áp: 220V
- Số cực: 2P

Hình ảnh	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	16A 2P 2NO 230V	HDCH8S16220	417.000
	20A 2P 2NO 230V	HDCH8S20220	438.000
	25A 2P 2NO 230V	HDCH8S25220	438.000
	40A 2P 2NO 230V	HDCH8S40220	501.000
	63A 2P 2NO 230V	HDCH8S63220	549.000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2
- Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC400V: 25kA
- Số cực: 1P, 2P
- Dòng định mức từ: 10A →100A



SẢN PHẨM MCCB HDM2

Hình ảnh	Số cực	Dòng cắt (mA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P	25kA	10	HDM2100L0101	420.000
			16	HDM2100L0161	420.000
			20	HDM2100L0201	420.000
			25	HDM2100L0251	420.000
			32	HDM2100L0321	420.000
			40	HDM2100L0401	420.000
			50	HDM2100L0501	420.000
			63	HDM2100L0631	525.000
			80	HDM2100L0801	525.000
			100	HDM2100L1001	525.000
	2P	25kA	10	HDM2100L0102	682.000
			16	HDM2100L0162	682.000
			20	HDM2100L0202	682.000
			25	HDM2100L0252	682.000
			32	HDM2100L0322	682.000
			40	HDM2100L0402	682.000
			50	HDM2100L0502	682.000
			63	HDM2100L0632	788.000
			80	HDM2100L0802	788.000
			100	HDM2100L1002	788.000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2
- Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC400V : 25kA, 35kA, 50kA, 85kA
- Số cực: 3P
- Dòng định mức từ: 10A →1250A



SẢN PHẨM MCCB HDM3

Hình ảnh	Số cực	Dòng cắt (mA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
  	3P	25kA	10	HDM363S1033XX	668.000
			16	HDM363S1633XX	668.000
			20	HDM363S2033XX	668.000
			25	HDM363S2533XX	668.000
			32	HDM363S3233XX	680.000
			40	HDM363S4033XX	680.000
			50	HDM363S5033XX	680.000
		25kA	63	HDM363S6333XX	752.000
			80	HDM3100S8033XX	804.000
		35kA	100	HDM3100S10033XX	804.000
			125	HDM3160S12533XX	1.313.000
			140	HDM3160S14033XX	1.313.000
		35kA	160	HDM3160S16033XX	1.313.000
			180	HDM3250S18033XX	1.523.000
			200	HDM3250S20033XX	1.523.000
			225	HDM3250S22533XX	1.523.000
			250	HDM3250S25033XX	1.523.000
		50kA	315	HDM3400F31533XX	3.360.000
			350	HDM3400F35033XX	3.360.000
			400	HDM3400F40033XX	3.360.000
			500	HDM3630F50033XX	4.360.000
			630	HDM3630F63033XX	4.360.000
			700	HDM3800S70033XX	8.240.000
			800	HDM3800S80033XX	8.240.000
		85kA	1000	HDM31250N100033XX	21.525.000
			1250	HDM31250N125033XX	22.575.000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2
- Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC400V : 50kA, 70kA
- Số cực: 3P
- Dòng định mức từ: 10A →800A



SẢN PHẨM MCCB HDM3

Hình ảnh	Số cực	Dòng cắt (mA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
 	3P	50kA	10	HDM363F1033XX	1.000.000
			16	HDM363F1633XX	1.000.000
			20	HDM363F2033XX	1.000.000
			25	HDM363F2533XX	1.000.000
			32	HDM363F3233XX	1.000.000
			40	HDM363F4033XX	1.000.000
			50	HDM363F5033XX	1.000.000
			63	HDM363F6333XX	1.000.000
			80	HDM3100N8033XX	1.470.000
			100	HDM3100N10033XX	1.470.000
		50kA	125	HDM3160F12533XX	1.520.000
			140	HDM3160F14033XX	1.520.000
			160	HDM3160F16033XX	1.520.000
		50kA	180	HDM3250F18033XX	1.680.000
			200	HDM3250F20033XX	1.680.000
			225	HDM3250F22533XX	1.680.000
			250	HDM3250F25033XX	1.680.000
		70kA	315	HDM3400N31533XX	3.518.000
			350	HDM3400N35033XX	3.518.000
			400	HDM3400N40033XX	3.518.000
			500	HDM3630N50033XX	4.463.000
			630	HDM3630N63033XX	4.463.000
			700	HDM3800F70033XX	9.083.000
			800	HDM3800F80033XX	9.537.000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2
 - Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC 415V: 50kA
 - Số cực: 3P
- Dòng định mức từ (In): 50A→1600A
 - Dòng cài đặt hiệu chỉnh từ (In): 0.4-1 In

Hình ảnh	Dòng cắt (kA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	50	125	HDM3E125M12533XX	3.110.000
		250	HDM3E250M25033XX	5.610.000
		400	HDM3E400M40033XX	7.224.000
		630	HDM3E630M63033XX	10.280.000
		800	HDM3E800M80033XX	11.880.000
		1600	HDM3E16XM16X33XX	33.784.000

Hình ảnh	Loại MCCB	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	HDM3-63	230V	HDM363MX1A2	473.000
	HDM3-100S		HDM3100SMX1A2	473.000
	HDM3-160		HDM3160MX1A2	473.000
	HDM3-250		HDM3250MX1A2	473.000
	HDM3-400		HDM3400MX1A2	945.000
	HDM3-630		HDM3630MX1A2	945.000
	HDM3-800		HDM3800MX1A2R3P	945.000
	HDM3-1000		HDM31250MX1A2R	2.035.000
	HDM3-1250		HDM31250MX1A2R	2.035.000

Hình ảnh	Loại	Số cực	Dòng định mức	Dòng cắt KA	Mã Hàng	Giá Bán
	FIX	3P	630	80	HDW320M063FHNN56M	46.164.000
			800	80	HDW320M083FHNN56M	48.264.000
			1000	80	HDW320M103FHNN56M	50.364.000
			1250	80	HDW320M123FHNN56M	51.414.000
			1600	80	HDW320M163FHNN56M	53.514.000
			2000	80	HDW320M203FHNN56M	59.814.000
			2500	80	HDW332M253FHNN56M	68.214.000
			3200	80	HDW332M323FHNN56M	80.814.000
			4000	85	HDW340S403FHNN56M	169.014.000
		4P	630	80	HDW320M064FHNN56M	52.464.000
			800	80	HDW320M084FHNN56M	54.564.000
			1000	80	HDW320M104FHNN56M	57.714.000
			1250	80	HDW320M124FHNN56M	61.914.000
			1600	80	HDW320M164FHNN56M	62.964.000
			2000	80	HDW320M204FHNN56M	69.264.000
			2500	80	HDW320M254FHNN54M	80.814.000
			3200	80	HDW320M324FHNN54M	98.664.000
			4000	85	HDW320M063FHNN56M	211.014.000
	Drawout	3P	630	80	HDW320M063DHNN56M	60.864.000
			800	80	HDW320M083DHNN56M	61.914.000
			1000	80	HDW320M103DHNN56M	62.364.000
			1250	80	HDW320M123DHNN56M	64.014.000
			1600	80	HDW320M163DHNN56M	65.064.000
			2000	80	HDW320M203DHNN56M	71.364.000
			2500	80	HDW320M253DHNN54M	81.864.000
			3200	80	HDW320M323DHNN54M	99.714.000
			4000	85	HDW340S403DHNN54M	211.014.000
			5000	85	HDW363S503DHNN54M	234.114.000
			6300	85	HDW363S633DHNN54M	274.014.000
		4P	630	80	HDW320M064DHNN56M	67.305.000
			800	80	HDW320M084DHNN56M	68.355.000
			1000	80	HDW320M104DHNN56M	69.405.000
			1250	80	HDW320M124DHNN56M	70.455.000
			1600	80	HDW320M164DHNN56M	72.555.000
			2000	80	HDW320M204DHNN56M	83.055.000
			2500	80	HDW332M254DHNN54M	94.605.000
			3200	80	HDW332M324DHNN54M	108.255.000
			4000	85	HDW340S404DHNN54M	231.105.000
			5000	120	HDW363M504DHNN54M	275.256.000

- Sử dụng cho các động cơ 3 pha, tiêu chuẩn dạng tải AC tần số 50/60Hz (Nhiệt độ <= 60°C)
- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-4-1
- Điện áp: 220/380 VAC
- Số cực: 3P

Hình ảnh	Điện áp	Cực số	Công suất (kW)	Dòng định mức (A)	NO	NC	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	AC/220V	3P	4	9	1	1	HDC30911M7	195.000
			5.5	12	1	1	HDC31211M7	233.000
			7.5	18	1	1	HDC31811M7	328.000
			11	25	1	1	HDC32511M7	378.000
			15	32	1	1	HDC33211M7	525.000
			18	38	1	1	HDC33811M7	641.000
			18.5	40	1	1	HDC34011M7	756.000
			22	50	1	1	HDC35011M7	828.000
			30	65	1	1	HDC36511M7	885.000
			37	80	1	1	HDC38011M7	1.292.000
			45	95	1	1	HDC39511M7	1.537.000
			55	115	-	-	HDC611500M7	3.009.000
			75	150	-	-	HDC615000M7	3.051.000
			90	185	-	-	HDC618500M7	4.028.000
			110	225	-	-	HDC622500M7	4.196.000
			132	265	-	-	HDC626500M	6.926.000
			160	330	-	-	HDC633000M	8.045.000
			200	400	-	-	HDC640000M	8.589.000
			250	500	-	-	HDC650000M	16.974.000
			335	630	-	-	HDC663000M	17.955.000

- Ghi chú: Để chọn điện áp cuộn hút 380V, vui lòng thay ký tự “M” bằng ký tự “Q” (Giá bán tương đương)

Hình ảnh	Loại	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1NO + 1NC	Tiếp điểm phụ loại lắp ở mặt bên	HFC611	80.000
	1NO + 1NC	Tiếp điểm phụ loại lắp ở mặt trên	HFD611	80.000
	2NO + 2NC	Tiếp điểm phụ loại lắp ở mặt trên	HFD622	128.000

- Sử dụng cho việc bảo vệ động cơ và bảo vệ pha
- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947 4-1
- Cấu tạo với lưỡng kim nhiệt ở 3 cực

Hình ảnh	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
 	Relay nhiệt (0.63-1A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s251	217.000
	Relay nhiệt (1-1.6A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s251P6	217.000
	Relay nhiệt (1.6-2.5A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s252P5	217.000
	Relay nhiệt (2.5-4A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s254	217.000
	Relay nhiệt (4-6A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s256	217.000
	Relay nhiệt (5.5-8A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s258	217.000
	Relay nhiệt (7-10A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s2510	217.000
	Relay nhiệt (9-13A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s2513	217.000
	Relay nhiệt (12-18A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s2518	217.000
	Relay nhiệt (17-25A) dùng cho contactor (25-38)A	HDR3s2525	217.000
	Relay nhiệt (22-32A) dùng cho contactor (25-38)A	HDR3s3832	302.000
	Relay nhiệt (30-40A) dùng cho contactor (25-38)A	HDR3s3840	302.000
	Relay nhiệt (30-40A) dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9340	550.000
	Relay nhiệt (37-50A) dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9350	550.000
	Relay nhiệt (48-65A) dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9365	550.000
	Relay nhiệt (55-70A) dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9370	550.000
	Relay nhiệt (63-80A) dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9380	550.000
	Relay nhiệt (80-93A) dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9393	550.000
	90A~115A; 105A-135A; 120A-150A	HDR6185115/135/150	1.190.000
	130A-160A; 150A-185A	HDR6185160/185	2.085.000
	145A-200A; 180A-250A	HDR6630200F/250F	2.316.000
	230A-320A	HDR6630320F	2.440.000
	290A-400A; 350A-480A	HDR6630400F/480F	3.150.000
	460A-630A	HDR6630630F	6.685.000
	Kết hợp cùng contactor HDC115~HDC630		

- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60947-4-1 | IEC 60947-5-1
- Dòng định mức từ 25-115A
- Điện áp 220V/380V

Hình ảnh	Loại	Ứng với công suất tại (kVAR)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	HDC19s-25	15	HDC19S2511M7	462.000
	HDC19s-32	20	HDC19S3211M7	693.000
	HDC19s-43	25	HDC19S4311M7	924.000
	HDC19s-63	30	HDC19S6312M7	1.097.000
	HDC19s-95	50	HDC19S9512M7	1.883.000
	HDC19s-115	60	HDC19S1512M7	2.627.000

Hình ảnh	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Bộ điều khiển tụ bù 220V 4 cấp	HJKL2CM4S	1.759.000
	Bộ điều khiển tụ bù 220V 6 cấp	HJKL2CM6S	2.142.000
	Bộ điều khiển tụ bù 220V 12 cấp	HJKL2CM12S	3.025.000
	Bộ điều khiển tụ bù 380V 4 cấp	HJKL5CQ4S	1.759.000
	Bộ điều khiển tụ bù 380V 6 cấp	HJKL5CQ6S	2.142.000
	Bộ điều khiển tụ bù 380V 12 cấp	HJKL5CQ12S	3.025.000

Hình ảnh	Số cực	Điện áp (V)	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
    	3P	450	Tụ bù tròn 10kV VAR	HDCAP304500103	935.000
			Tụ bù tròn 15kV VAR	HDCAP304500153	1.098.000
			Tụ bù tròn 20kV VAR	HDCAP304500203	1.479.000
			Tụ bù tròn 25kV VAR	HDCAP304500253	1.861.000
			Tụ bù tròn 30kV VAR	HDCAP304500303	2.232.000
	3P	525	Tụ bù vuông 20kV VAR	HBSM00525002003D	1.643.000
			Tụ bù vuông 25kV VAR	HBSM00525002503D	2.067.000
			Tụ bù vuông 30kV VAR	HBSM00525003003D	2.481.000
			Tụ bù vuông 40kV VAR	HBSM00525004003D	2.522.000
			Tụ bù vuông 50kV VAR	HBSM00525005003D	4.099.000
			Tụ bù vuông 60kV VAR	HBSM00525006003D	4.730.000
	1P	250	Tụ bù vuông 5kV VAR	HBSM00250000501D	772.000
			Tụ bù vuông 10kV VAR	HBSM0025000010001D	1.489.000

- Sử dụng cho việc bảo vệ động cơ và bảo vệ pha
- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947 4-1
- Cấu tạo với lưỡng kim nhiệt ở 3 cực

Hình ảnh	Công suất (kW)	Dòng điện cài đặt (A)	Dòng điện bảo vệ từ (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	-	0.1~0.16	-	HDP632P16	573.000
	0.06	0.16~0.25	-	HDP632P25	573.000
	0.09	0.25~0.4	4.8	HDP632P4	573.000
	0.12	0.4~0.63	7.56	HDP632P63	573.000
	0.25	0.63~1	12	HDP6321	573.000
	0.37	1~1.6	19.2	HDP6321P6	573.000
	0.75	1.6~2.5	30	HDP6322P5	573.000
	1.5	2.5~4	48	HDP6324	573.000
	2.2	4~6.3	75.6	HDP6326P3	573.000
	4	6~10	120	HDP63210	573.000
	5.5	9~14	168	HDP63214	636.000
	7.5	13~18	216	HDP63218	636.000
	11	17~23	276	HDP63223	636.000
	11	20~25	300	HDP63225	636.000
	15	24~32	384	HDP63232	636.000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947 4-1
 - Sử dụng cho động cơ 3 pha; AC tần số 50/60Hz
- Điện áp: 220/380 VAC
 - Số cực: 3P

Hình ảnh	Công suất (kW)	Dòng điện cài đặt (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	0.37	1-1.6	HDS318B09Q71P6M	599.000
	0.75	1.6-2.5	HDS318B09Q72P5M	599.000
	1.5	2.5-4	HDS318B09Q704M	599.000
	2.2	4-6	HDS318B09Q706M	599.000
	3	5.5-8	HDS318B09Q708M	599.000
	4	7-10	HDS318B12Q710M	599.000
	5.5	9-13	HDS318B18Q713M	599.000
	7.5	12-18	HDS318B25Q718M	719.000
	11	17-25	HDS338B25Q725M	814.000
	15	23-32	HDS338B32Q732M	1.444.000
	18.5	30-40	HDS395B40Q740M	1.523.000
	22	37-50	HDS395B50Q750	1.628.000
	30	48-65	HDS395B65Q765	1.838.000

*Ghi chú: Để chọn cuộn coil 220V, vui lòng thay ký tự “Q” bằng “M” (Giá bán tương đương)

- Phù hợp tiêu chuẩn: IEC 60947-5
- Bảo vệ theo cấp IP55 / IP65
- Màu sắc đa dạng / Tuổi thọ cao

CÔNG TẮC XOAY

Hình ảnh	Màu sắc	Kích thước	Vị trí	NO	NC	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Đen	Long handle Φ22mm		1	1	HLAY711XB2022	50.000
				1	1	HLAY711XB2122	50.000
				1	1	HLAY711XB3022	50.000
				2	-	HLAY720XB3022	50.000
				2	-	HLAY720XB3322	53.000

NÚT NHẤN

	Đen	Φ22mm	-	1	1	HLAY711BN22	53.000
	Xanh lá		-	1	1	HLAY711BN32	50.000
	Đỏ		-	1	1	HLAY711BN42	50.000
	Vàng		-	1	1	HLAY711BN52	50.000
	Xanh dương		-	1	1	HLAY711BN62	53.000
	Đỏ	Emergency Φ22mm	- 0		1	HLAY701ZS42	72.000
			- 1		1	HLAY711ZS42	72.000

ĐÈN BÁO PHA

Hình ảnh	Màu sắc	Điện áp (V)	Đèn báo	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Xanh lá	AC220V	LED	HLD1122D41M3	50.000
	Đỏ			HLD1122D41M4	50.000
	Vàng			HLD1122D41M5	50.000
	Xanh dương			HLD1122D41M8	50.000

- Phù hợp tiêu chuẩn: IEC 60947-5
- Bảo vệ theo cấp IP55 / IP65
- Màu sắc đa dạng / Tuổi thọ cao

CÔNG TẮC XOAY

Hình ảnh	Màu sắc	Kích thước	Vị trí	NO	NC	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Đen	Short handle Φ22mm	C R	1	-	HLAY5ED21	53.000
			L C R	2	-	HLAY5ED33	53.000

NÚT NHẤN

	Xanh lá	Φ22mm	-	1	-	HLAY5EA31	76.000
	Đỏ		-	-	1	HLAY5EA42	76.000
	Đỏ	Emergency Φ22mm	-	-	1	HLAY5ES542	76.000

NÚT NHẤN CÓ ĐÈN

Hình ảnh	Màu sắc	Điện áp (V)	Đèn báo	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Xanh lá	AC220V	LED	HLAY5EW33M5L	105.000
	Đỏ			HLAY5EW34M5L	105.000
	Vàng			HLAY5EW35M5L	105.000

TIẾP ĐIỂM

Hình ảnh	Màu sắc	NO	NC	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Đen	1	LED	HLAY5BE101	15.000
		-	1	HLAY5BE102	15.000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60309-1-2
- Điện áp: 230/400 VAC
- Số cực: 3P, 4P, 5P
- Bảo vệ theo cấp IP44 & IP67

PHÍCH CẮM

Hình ảnh	Dòng định mức (A)	Điện áp (V)	Số cực	Cấp bảo vệ	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
 	16	AC 230	3P, 6H	IP 44	HDPM316IP44	76.000
		AC 415	4P, 6H		HDPM416IP44	99.000
			5P, 6H		HDPM516IP44	110.000
	32	AC 230	3P, 6H		HDPM332IP44	133.000
		AC 415	4P, 6H		HDPM432IP44	145.000
			5P, 6H		HDPM532IP44	168.000
	63	AC 230	3P, 6H	IP 67	HDPM363IP67	769.000
		AC 415	4P, 6H		HDPM463IP67	803.000
			5P, 6H		HDPM563IP67	826.000
	125	AC 230	3P, 6H		HDPM3125IP67	1.462.000
		AC 415	4P, 6H		HDPM4125IP67	1.808.000
			5P, 6H		HDPM5125IP67	2.039.000

Ổ CẮM NỐI DI ĐỘNG

Hình ảnh	Dòng định mức (A)	Điện áp (V)	Số cực	Cấp bảo vệ	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
  	16	AC 230	3P, 6H	IP 44	HDSM316IP44	145.000
		AC 415	4P, 6H		HDSM416IP44	145.000
			5P, 6H		HDSM516IP44	145.000
	32	AC 230	3P, 6H		HDSM332IP44	156.000
		AC 415	4P, 6H		HDSM432IP44	180.000
			5P, 6H		HDSM532IP44	249.000
	63	AC 230	3P, 6H	IP 67	HDSM363IP67	907.000
		AC 415	4P, 6H		HDSM463IP67	930.000
			5P, 6H		HDSM563IP67	942.000
	125	AC 230	3P, 6H		HDSM3125IP67	1.924.000
		AC 415	4P, 6H		HDSM4125IP67	2.155.000
			5P, 6H		HDSM5125IP67	2.269.000
	16	AC 230	3P, 6H	IP 44	HDPS316230 Nối 2 ngã	353.000
					HDPS416230 Nối 3 ngã	420.000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60309-1-2
- Điện áp: 230/400 VAC
- Số cực: 3P, 4P, 5P
- Bảo vệ theo cấp IP44 & IP67

Ổ CẮM CỐ ĐỊNH

Hình ảnh	Dòng định mức (A)	Điện áp (V)	Số cực	Cấp bảo vệ	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
 	16	AC 230	3P, 6H	IP 44	HDSF316IP44	145.000
		AC 415	4P, 6H		HDSF416IP44	180.000
			5P, 6H		HDSF516IP44	191.000
	32	AC 230	3P, 6H		HDSF332IP44	191.000
		AC 415	4P, 6H		HDSF432IP44	214.000
			5P, 6H		HDSF532IP44	226.000
	63	AC 230	3P, 6H	IP 67	HDSF363IP67	815.000
		AC 415	4P, 6H		HDSF463IP67	848.000
			5P, 6H		HDSF563IP67	884.000
	125	AC 230	3P, 6H		HDSF3125IP67	2.500.000
		AC 415	4P, 6H		HDSF4125IP67	2.617.000
			5P, 6H		HDSF5125IP67	2.732.000

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947

Hình ảnh	Loại	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	380V	Bảo vệ quá áp, thấp áp, mất pha, thứ tự pha	HXJ9380	504.000
	5A - 4P - 220V	Relay kiếng	HDZ9054LM	89.000
	3A - 5A	Đế relay kiếng	HDZ8PPYF14A	42.000
	Making	Power delay 0.1-3S	HFT620	307.000
		Power delay 0.1-30S	HFT622	307.000
		Power delay 10-180S	HFT624	307.000
	Breaking	Power delay 0.1-3S	HFT630	307.000
		Power delay 0.1-30S	HFT632	307.000
		Power delay 10-180S	HFT634	307.000



Founded in Spain in 1958

HCMC Office:

Unit 7.2 7th Floor, E-Town Building
364 Cong Hoa Str., Tan Binh Dist., HCMC.
Tel: (84 8) 38 103 103
Fax: (84 8) 38 120 477

Hanoi Office:

8th Floor, Vinaconex Building
34 Lang Ha St., Dong Da Dist.,
Tel: (84 8) 38 314 037
Fax: (84 8) 38 314 039

Website: www.himel.com.vn